

2024年8月予定表

| 日 | 月 | 火 | 水 | 木 | 金 | 土 |
|------------------------------|-----------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| | | | | 1 フリー | 2 フリー | 3 フリー |
| 4 フリー | 5 フリー | 6 フリー | 7 BKC 10時 ～ 16時 | 8 BKC 10時 ～ 16時 | 9 BKC 10時 ～ 16時 | 10 BKC 10時 ～ 16時 |
| 11 フリー | 12 フリー | 13 フリー | 14 フリー | 15 フリー | 16 フリー | 17 フリー |
| 18 フリー | 19 フリー | 20 BKC 10時 ～ 16時 | 21 BKC 10時 ～ 16時 | 22 BKC 10時 ～ 16時 | 23 BKC 10時 ～ 16時 | 24 フリー |
| 25 BKC 10時 ～ 16時 | 26 フリー | 27 BKC 10時 ～ 16時 | 28 BKC 10時 ～ 16時 | 29 BKC 10時 ～ 16時 | 30 BKC 10時 ～ 16時 | 31 BKC 10時 ～ 16時 |